

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ

Triển khai Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực Nội vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 350/QĐ-TTg). Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 350/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 350/QĐ-TTg phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Lào Cai; bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ chuyển đổi số trong lĩnh vực Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ; đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản lý từ truyền thống sang môi trường số, lấy dữ liệu làm trung tâm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng, phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các hệ thống thông tin chuyên ngành Nội vụ; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của tỉnh, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số trong lĩnh vực Nội vụ.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm và rõ kết quả; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh; có lộ trình thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn, tránh dàn trải, hình thức.

- Bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, làm sạch, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả; thực hiện nguyên tắc dữ liệu dùng chung, tránh trùng lặp, phân tán, cát cứ dữ liệu.

- Gắn chuyên đổi số với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu trong quản lý, điều hành.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong toàn bộ quá trình xây dựng, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện; định kỳ báo cáo, công khai kết quả thực hiện gắn với hệ thống chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ và hiệu quả trong quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ; góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nội vụ đóng vai trò quan trọng trong nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị của tỉnh, đặc biệt trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn; thúc đẩy cải cách hành chính và triển khai hiệu quả các chính sách xã hội trong bối cảnh phát triển số.

b) Phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số và các hệ thống thông tin chuyên ngành Nội vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong quản lý, điều hành. Lấy dữ liệu làm trung tâm, bảo đảm phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh, tích hợp với Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và các hệ thống dùng chung.

c) Phấn đấu đưa ngành Nội vụ trở thành một trong những ngành tiêu biểu về chuyên đổi số trong khu vực công của tỉnh, gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; hình thành mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu số, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu và nền tảng số ngành Nội vụ

- Xây dựng và phát triển hạ tầng dữ liệu số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm khả năng lưu trữ, xử lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ.

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

- Hình thành và phát triển Kho dữ liệu tập trung lĩnh vực Nội vụ, bảo đảm lưu trữ tập trung, quản trị dữ liệu thống nhất và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng chính sách, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Dữ liệu lĩnh vực Nội vụ được chuẩn hóa, làm sạch, đồng bộ và liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và giảm thiểu việc cung cấp thông tin trùng lặp của người dân và doanh nghiệp.

b) Hoàn thành xây dựng và vận hành các cơ sở dữ liệu trọng yếu

- Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

- Triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội đáp ứng tối thiểu 80% yêu cầu quản lý và thực hiện chính sách an sinh xã hội của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện thuộc phạm vi quản lý của ngành Nội vụ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% biểu mẫu điện tử phục vụ dịch vụ công trực tuyến được chuẩn hóa và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong quá trình kê khai, nộp hồ sơ, theo dõi tiến độ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Bảo đảm 100% hoạt động tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ được thực hiện trên môi trường số (*trừ các nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

d) Nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Nội vụ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu làm việc trên môi trường số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Nội vụ được trang bị kiến thức và kỹ năng số cần thiết; sử dụng thành thạo các hệ thống thông tin, nền tảng số và các ứng dụng dùng chung trong quá trình xử lý công việc.

đ) Đẩy mạnh hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trên môi trường điện tử

- Trên 90% hồ sơ công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước ngành Nội vụ được xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ.

- Trên 95% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử, bảo đảm tính minh bạch, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý.

- Trên 95% quy trình nghiệp vụ cốt lõi của ngành Nội vụ được tái cấu trúc, chuẩn hóa và số hóa, đưa lên môi trường số để quản lý, theo dõi và xử lý.

e) Phát triển dữ liệu mở và dữ liệu dùng chung

- Rà soát, chuẩn hóa toàn bộ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành Nội vụ nhằm xác định danh mục dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin cho xã hội.

- Tối thiểu 70% dữ liệu đủ điều kiện trong lĩnh vực Nội vụ được công bố dưới dạng dữ liệu mở, phục vụ người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khai thác, sử dụng.

- Dữ liệu mở được cập nhật định kỳ, bảo đảm khả năng truy cập, khai thác và tái sử dụng thuận tiện trên môi trường số.

g) Thúc đẩy định danh điện tử và số hóa hồ sơ

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được gắn định danh điện tử thống nhất, phục vụ công tác quản lý và xác thực thông tin trong các hệ thống thông tin của ngành Nội vụ.

- Tối thiểu 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được số hóa, chuẩn hóa và lưu trữ tập trung trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Đối với các nhóm đối tượng chính sách thuộc phạm vi quản lý của ngành Nội vụ, tối thiểu 95% đối tượng được gắn định danh điện tử và số hóa hồ sơ quản lý.

h) Đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt trong lĩnh vực an sinh xã hội

- Triển khai các hình thức chi trả trợ cấp xã hội thông qua phương thức điện tử, góp phần nâng cao tính minh bạch, thuận tiện và hiệu quả trong thực hiện chính sách an sinh xã hội.

- Bảo đảm tối thiểu 90% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội nhận trợ cấp thường xuyên thông qua phương thức chi trả không dùng tiền mặt.

i) Nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cải thiện trải nghiệm của người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nội vụ.

- Phấn đấu đạt tối thiểu 99% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của ngành Nội vụ.

k) Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng

- 100% hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành Nội vụ được xác định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định và triển khai đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn.

- 100% hệ thống thông tin trọng yếu của ngành Nội vụ được bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình bảo vệ nhiều lớp và kết nối với hệ thống giám sát an toàn thông tin quốc gia.

- Dữ liệu, hồ sơ và văn bản điện tử của ngành Nội vụ được bảo vệ an toàn trong toàn bộ vòng đời xử lý; thường xuyên tổ chức đánh giá, kiểm tra an toàn thông tin và phòng, chống rò rỉ dữ liệu.

3. Định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045

a) Định hướng đến năm 2035

- Trên cơ sở kết quả đạt được đến năm 2030, tiếp tục hoàn thiện các mục tiêu chuyển đổi số của ngành Nội vụ ở mức cao, tiệm cận 100%.

- Các thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến được cung cấp theo phương thức chủ động, tự động dựa trên dữ liệu, người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

- Ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo và phân tích dữ liệu lớn trong công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ dự báo nhu cầu nhân lực, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng chính sách và nâng cao chất lượng quản trị công.

- Dữ liệu lĩnh vực Nội vụ trở thành nguồn tài nguyên số quan trọng, được quản trị tập trung và khai thác hiệu quả phục vụ công tác quản lý, điều hành và hoạch định chính sách.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nội vụ đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững và tiên bộ; bảo đảm an sinh xã hội cho mọi người dân.

- Các hoạt động quản lý nhà nước trong ngành Nội vụ được hỗ trợ bởi các hệ thống phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các công cụ thông minh nhằm nâng cao chất lượng ra quyết định.

- Phần lớn các quy trình nghiệp vụ cốt lõi của ngành Nội vụ được tự động hóa ở mức cao, vận hành hoàn toàn trên môi trường số, bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu.

III. GIẢI PHÁP CHUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Giải pháp chung

a) Phát huy vai trò của Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 tỉnh trong việc định hướng, điều phối và giám sát thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ.

b) Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực Nội vụ; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; đồng thời bảo đảm nguồn lực tài chính, nhân lực và điều kiện hạ tầng để tổ chức thực hiện.

c) Tăng cường xây dựng, quản trị, khai thác và chia sẻ dữ liệu lĩnh vực Nội vụ theo nguyên tắc dữ liệu dùng chung của tỉnh; bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, kết nối, liên thông và khai thác hiệu quả phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

d) Đẩy mạnh kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của ngành Nội vụ với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), hệ thống chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Trung tâm điều hành thông minh (IOC), bảo đảm tính liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống.

đ) Từng bước triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn và các công nghệ số tiên tiến trong lĩnh vực Nội vụ, tập trung vào các nội dung như quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cải cách hành chính; dự báo nguồn nhân

lực và hỗ trợ ra quyết định; thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

e) Thiết lập cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá tiến độ thực hiện theo thời gian thực thông qua hệ thống điều hành của tỉnh; định kỳ công khai kết quả thực hiện.

2. Nhiệm vụ cụ thể

(Có Phụ lục nhiệm vụ kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, làm đầu mối tổ chức triển khai Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện, bảo đảm phân công rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo.

b) Chủ trì quản trị, xây dựng, vận hành và khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin lĩnh vực Nội vụ; bảo đảm chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu; đồng thời phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong tích hợp, kết nối các hệ thống với nền tảng dùng chung, hệ thống chỉ đạo, điều hành và IOC của tỉnh.

c) Xây dựng các bảng điều khiển (dashboard) phục vụ lãnh đạo tỉnh trong quản lý cán bộ, cải cách hành chính, an sinh xã hội trên nền tảng IOC. Bảo đảm dữ liệu Nội vụ được kết nối với các lĩnh vực: dân cư, bảo hiểm, tài chính, lao động. Đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số theo nguyên tắc: giảm thủ tục, giảm chi phí, tăng năng suất xử lý công việc.

d) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong lựa chọn, triển khai giải pháp công nghệ bảo đảm đồng bộ với kiến trúc số của tỉnh; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

đ) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và hiệu quả triển khai Kế hoạch.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin cho hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu lĩnh vực công tác nội vụ của tỉnh.

b) Chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát việc tuân thủ các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu việc áp dụng các giải pháp công nghệ mới, công nghệ tiên tiến (AI, Big Data) trong triển khai Kế hoạch.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch trong tổng thể kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển để thực hiện Kế hoạch theo quy định; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và định hướng giai đoạn 2026–2030.

5. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nội vụ trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch.

b) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành để làm giàu Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức và Cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội.

c) Chỉ đạo các đơn vị chức năng trực thuộc thực hiện thống nhất các nền tảng số, phần mềm dùng chung của ngành Nội vụ.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ, trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được tháo gỡ, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Hạnh Phúc

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / 4 /2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển văn hóa số				
1	Trên cơ sở các chương trình, chiến lược, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch tổng thể và kế hoạch hằng năm của ngành Nội vụ tỉnh Lào Cai để tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Kế hoạch tổng thể và kế hoạch hằng năm được ban hành theo thẩm quyền	Nhiệm vụ thường xuyên; ban hành trong Quý I hằng năm đến năm 2030
2	Tổ chức hoặc lồng ghép nội dung chuyển đổi tư duy, nâng cao năng lực lãnh đạo số vào các hội nghị, chương trình công tác, chương trình bồi dưỡng, tập huấn của ngành Nội vụ; tập trung trang bị cho lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp trong ngành Nội vụ về tư duy chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo trong môi trường số, quản trị dựa trên dữ liệu, an toàn thông tin và đổi mới phương thức làm việc từ thủ công sang môi trường số.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các hội nghị, chương trình công tác, lớp tập huấn được tổ chức	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
3	Triển khai các học liệu số trên nền tảng đào tạo trực tuyến mở (MOOCs) và phát động phong trào “Bình dân học vụ số” trong lĩnh vực Nội vụ để phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành .	Các học liệu số được xây dựng và triển khai phục vụ đào tạo, tập huấn	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
4	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn ngành Nội vụ; lựa chọn, vinh danh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số; đưa nội dung, kết quả thực hiện chuyển đổi số thành tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm; gắn kết quả chuyển đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành.	Phong trào thi đua được phát động; danh sách tổ chức, cá nhân điển hình; bộ tiêu chí đánh giá	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
II	Xây dựng và hoàn thiện chính sách, thể chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn hoàn thành
1	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý chuyên ngành thuộc lĩnh vực Nội vụ do tỉnh ban hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, hồ sơ điện tử, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử; quy định về lưu trữ số và giá trị của tài liệu lưu trữ số theo quy định của pháp luật.	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý được rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
2	Thực hiện khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung trong lĩnh vực Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung trong lĩnh vực Nội vụ của tỉnh	Sau khi Bộ Nội vụ ban hành
3	Xác định, công bố và cập nhật bộ dữ liệu chủ chuyên ngành của lĩnh vực Nội vụ trên địa bàn tỉnh; tích hợp, chia sẻ với hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia để làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ dữ liệu trong toàn hệ thống.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Bộ dữ liệu chủ chuyên ngành lĩnh vực Nội vụ của tỉnh; tích hợp, chia sẻ với Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia	Sau khi Bộ Nội vụ ban hành
4	Phối hợp xây dựng, định kỳ rà soát, cập nhật Kiến trúc số và kiến trúc dữ liệu của tỉnh, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc số của Bộ Nội vụ và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Khung kiến trúc số ngành Nội vụ và kiến trúc dữ liệu của ngành Nội vụ tỉnh	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
5	Ban hành và cập nhật danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở của ngành Nội vụ; xây dựng quy chế quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu lĩnh vực Nội vụ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Quyết định ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và quy chế quản lý, chia sẻ dữ liệu lĩnh vực Nội vụ	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
6	Xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, liên thông đối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ của tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, kết nối, liên thông được ban hành	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
III	Xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn hoàn thành
1	Tập trung rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” đối với các cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực Nội vụ trên địa bàn tỉnh để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các thông tin, dữ liệu chủ và dữ liệu tham chiếu trong các cơ sở dữ liệu lĩnh vực Nội vụ được làm sạch và chuẩn hóa	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
2	Xây dựng, hoàn thiện, quản lý và vận hành hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực Nội vụ của tỉnh; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin của tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành lĩnh vực Nội vụ của tỉnh được xây dựng, hoàn thiện và vận hành hiệu quả	Theo lộ trình được cấp có thẩm quyền giao
3	Thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu lĩnh vực Nội vụ của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và của tỉnh.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành.	Hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống dữ liệu liên quan	Theo lộ trình của cơ quan có thẩm quyền
4	Triển khai cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; tích hợp dữ liệu phục vụ quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, góp phần cắt giảm thành phần hồ sơ giấy trong công tác quản lý nhà nước.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành	Thành phần hồ sơ giấy trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cắt giảm và thay thế bằng dữ liệu điện tử	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
5	Phối hợp khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu liên quan đến an sinh xã hội phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Nội vụ; bảo đảm liên thông dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và các cơ sở dữ liệu có liên quan.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; các sở, ban, ngành	Dữ liệu liên thông phục vụ quản lý lĩnh vực an sinh xã hội được khai thác, kết nối hiệu quả	Theo lộ trình của cơ quan có thẩm quyền
6	Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong khai thác dữ liệu lĩnh vực Nội vụ nhằm hỗ trợ dự báo nguồn nhân lực, cải cách tiền lương, đánh giá hiệu quả tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các công cụ phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) được triển khai trong quản lý lĩnh vực Nội vụ	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
IV	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, nền tảng, phần mềm dùng chung để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn hoàn thành
1	Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nội vụ; cung cấp 70% thủ tục hành chính đủ điều kiện dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các quy trình nghiệp vụ được tái cấu trúc, chuẩn hóa; dịch vụ công trực tuyến toàn trình được triển khai	Hoàn thành các chỉ tiêu trọng điểm trong năm 2026
2	Phối hợp tích hợp các dịch vụ công thiết yếu thuộc lĩnh vực Nội vụ lên ứng dụng định danh điện tử quốc gia (VNeID) để người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính thuận tiện thông qua một tài khoản duy nhất.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các dịch vụ công thiết yếu được tích hợp trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
3	Bảo đảm nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần; tái sử dụng dữ liệu số hóa từ các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và của tỉnh.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành.	Dữ liệu được tái sử dụng thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
4	Phối hợp triển khai, khai thác các nền tảng kết nối cung cầu lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động; ứng dụng phân tích dữ liệu để hỗ trợ dự báo nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý nhà nước tại địa phương.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành.	Các hệ thống, nền tảng kết nối cung cầu lao động được khai thác và sử dụng hiệu quả	Theo lộ trình của cơ quan có thẩm quyền
5	Phối hợp triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý quan hệ lao động, hợp đồng lao động điện tử và các dịch vụ liên quan nhằm hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp thực hiện giao kết, quản lý hợp đồng thuận tiện, minh bạch.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành.	Các nền tảng số phục vụ quản lý hợp đồng lao động được triển khai, khai thác hiệu quả	Theo lộ trình của cơ quan có thẩm quyền
6	Triển khai ứng dụng nền tảng lưu trữ số trong công tác văn thư, lưu trữ của ngành Nội vụ; từng bước số hóa tài liệu, hồ sơ và quản lý lưu trữ điện tử theo quy định của pháp luật.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành.	Nền tảng lưu trữ số và hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử được triển khai	Theo lộ trình chuyển đổi số của tỉnh
7	Triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý và chi trả các chính sách an sinh xã hội liên quan; đẩy mạnh chi trả qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Tài chính; Sở Y tế; các sở, ban, ngành.	Các ứng dụng phục vụ quản lý và chi trả chính sách an sinh xã hội được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn hoàn thành
8	Triển khai phân hệ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ số hiệu suất công việc trên nền tảng số nhằm phục vụ đánh giá hiệu quả công việc công khai, minh bạch, dựa trên dữ liệu.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành.	Phân hệ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ số hiệu suất được xây dựng và triển khai	Hoàn thành trong năm 2026
9	Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo phân cấp; tăng cường công khai, minh bạch quy trình, thủ tục nhằm tạo thuận lợi cho người lao động và doanh nghiệp.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; các cơ quan liên quan.	Các đề án, dự án chuyển đổi số trong quản lý lao động đi làm việc ở nước ngoài được triển khai	Triển khai từ năm 2026
10	Triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực người có công với cách mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và thực hiện chính sách đối với người có công.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan liên quan.	Các đề án, dự án chuyển đổi số lĩnh vực người có công được triển khai	Triển khai từ năm 2026
11	Triển khai hệ thống hỏi đáp trực tuyến và trợ lý ảo (Chatbot) ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tra cứu thông tin và thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nội vụ 24/7.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành	Hệ thống hỏi đáp trực tuyến và trợ lý ảo được xây dựng và triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
12	Phối hợp triển khai cổng dữ liệu mở của tỉnh; kết nối với Cổng dữ liệu quốc gia để cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, phát triển kinh tế số.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành	Cổng dữ liệu mở lĩnh vực Nội vụ được xây dựng, vận hành và kết nối với Cổng dữ liệu quốc gia	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
V	Phát triển các phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số				
1	Đề xuất nâng cấp các chức năng phục vụ theo dõi, giám sát và điều hành lĩnh vực Nội vụ, bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu với hệ thống chỉ đạo, điều hành của tỉnh và các hệ thống thông tin liên quan.	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan	Các chức năng phục vụ giám sát, điều hành lĩnh vực Nội vụ được tích hợp, khai thác hiệu quả trên Trung tâm IOC của tỉnh	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
2	Triển khai các biểu mẫu báo cáo điện tử; tự động hóa quy trình tổng hợp số liệu từ các cơ quan, đơn vị và nhằm giảm thiểu báo cáo thủ công, nâng cao hiệu quả tổng hợp, phân tích dữ liệu do Bộ Nội vụ xây dựng.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan liên quan	Hệ thống biểu mẫu báo cáo điện tử được triển khai và vận hành	Sau khi Bộ Nội vụ xây dựng, triển khai

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn hoàn thành
3	Xây dựng, nâng cấp và duy trì các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm khả năng thu thập dữ liệu tự động, đánh giá định lượng và công khai kết quả.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan liên quan.	Phần mềm chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính được triển khai và vận hành hiệu quả	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
4	Rà soát, nâng cấp các phần mềm nghiệp vụ của ngành Nội vụ bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia; tích hợp các công cụ hỗ trợ như trợ lý ảo để hỗ trợ cán bộ, công chức tra cứu quy định pháp luật, xử lý hồ sơ nhanh chóng.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan.	Các phần mềm nghiệp vụ được nâng cấp, kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
5	Phát triển các phần mềm, ứng dụng và công cụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong tra cứu thông tin, tư vấn trực tuyến, cung cấp thông tin chính sách và dữ liệu liên quan đến lĩnh vực Nội vụ.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan	Các công cụ, phần mềm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp được triển khai hiệu quả	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
6	Thực hiện chuyển đổi số đối với các thủ tục hành chính nội bộ; phát triển, nâng cấp các phần mềm và nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Nội vụ.	Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Các phần mềm, ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
7	Phát triển và ứng dụng các phần mềm, công cụ hỗ trợ chính quyền địa phương trong quản lý, điều hành chính quyền cấp cơ sở; nâng cao hiệu quả vận hành chính quyền địa phương hai cấp.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan	Các công cụ, phần mềm phục vụ quản lý, điều hành chính quyền cơ sở được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
VI	Bảo đảm hạ tầng số và kết nối mạng phục vụ chuyển đổi số				
1	Phối hợp thực hiện dịch chuyển các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin về Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo lộ trình quy định.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được đặt tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định.	Theo lộ trình được quy định
2	Rà soát, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị công nghệ thông tin của ngành Nội vụ để phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và làm sạch dữ liệu.	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	Thiết bị công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu số hóa hồ sơ và làm sạch dữ liệu.	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
3	Bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức Sở Nội vụ được trang bị máy tính có kết nối mạng và cài đặt phần	Sở Nội vụ		Hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn hoàn thành
	mềm bản quyền, phần mềm phòng chống mã độc tập trung theo quy định.			câu chuyển đổi số trong ngành Nội vụ.	
VII	Bảo đảm an ninh mạng và an toàn thông tin				
1	Hoàn thành việc xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin được phê duyệt; báo cáo đánh giá an toàn thông tin.	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
2	Duy trì, vận hành an toàn, an ninh mạng của Sở Nội vụ, bảo đảm giám sát 24/7; kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát an toàn thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC) của tỉnh.	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các Hệ thống thông tin của Sở Nội vụ được vận hành hiệu quả, bảo đảm giám sát an toàn thông tin.	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
VIII	Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực				
1	Rà soát năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Nâng cao năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
2	Đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của toàn ngành đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng; khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trong hoạt động của các cơ quan thuộc lĩnh vực Nội vụ.	Sở Nội vụ		Các lớp bồi dưỡng được tổ chức.	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030
IX	Tăng cường các điều kiện bảo đảm thực hiện chuyển đổi số				
1	Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến, các tiện ích của Chính quyền số trong lĩnh vực Nội vụ.	Sở Nội vụ	Các doanh nghiệp công nghệ số; các cơ quan, đơn vị liên quan	Người dân, doanh nghiệp được hỗ trợ tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Nhiệm vụ thường xuyên đến năm 2030